CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 199/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư gia nhập Hiệp định thành lập Tổ chức thương mại thế giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan (sau đây gọi là Nghị định số 26/2023/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2023/NĐ-CP và mức thuế suất thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng quy định tại Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP

1. Bổ sung điểm c.3.6 và c.3.7 vào khoản 3 Điều 8 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP như sau:

"c.3.6) Trường hợp doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp xe ô tô xét ưu đãi theo điểm c.3.2, c.3.3, c.3.4 khoản này có sản xuất, lắp ráp thêm xe ô tô chạy điện, xe ô tô sử dụng pin nhiên liệu, xe ô tô hybrid, xe ô tô sử dụng nhiên liệu sinh học hoàn toàn, xe ô tô sử dụng khí thiên nhiên thì được cộng số lượng xe ô tô chạy điện, xe ô tô sử dụng pin nhiên liệu, xe ô tô hybrid, xe ô tô sử dụng nhiên liệu sinh học hoàn toàn, xe ô tô sử dụng khí thiên nhiên trong kỳ xét ưu đãi vào sản lượng chung tối thiểu và sản lượng riêng tối thiểu của từng nhóm xe, mẫu xe sử dụng nhiên liệu xăng, dầu tương ứng để xác định sản lượng chung tối thiểu và sản lượng riêng tối thiểu của nhóm xe, mẫu xe khi xét ưu đãi.

c.3.7) Trường hợp doanh nghiệp nắm giữ trên 35% vốn điều lệ của các công ty sản xuất, lắp ráp xe ô tô đã được Bộ Công Thương cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (gọi tắt là doanh nghiệp sở hữu) thì các công ty sản xuất, lắp ráp xe ô tô nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định được cộng gộp sản lượng xe ô tô sản xuất, lắp ráp của các công ty đó để tính sản lượng tối thiểu khi xét điều kiện hưởng ưu đãi của Chương trình ưu đãi thuế. Doanh nghiệp sở hữu chịu trách nhiệm về việc xác định tổng sản lượng của các công ty sản xuất, lắp ráp xe ô tô đủ điều kiện áp dụng Chương trình ưu đãi thuế và tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ trên 35% trong kỳ xét ưu đãi thuế.

Cơ quan hải quan nơi công ty sản xuất, lắp ráp xe ô tô đăng ký tham gia Chương trình ưu đãi thuế thực hiện hoàn thuế tương ứng với sản lượng xe ô tô do công ty đó sản xuất, lắp ráp đã xuất xưởng trong kỳ xét ưu đãi. Trường hợp doanh nghiệp sở hữu, công ty sản xuất, lắp ráp xe ô tô kê khai không đúng thực tế thì bị truy thu thuế và xử phạt vi phạm pháp luật về thuế."

2. Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng quy định tại Phụ lục I - Biểu thuế xuất khẩu, Phụ lục II - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP thành các mức thuế suất thuế xuất khẩu, mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 2. Bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Nghị định số 26/2023/NĐ-CP

1. Bãi bỏ điểm a.7 khoản 8 Điều 8 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ điểm 1, phần "Chú giải mặt hàng", Chương 72, Mục I, Phụ lục II - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Đức Phớc

Phụ lục I
SỬA ĐỔI MỨC THUẾ SUẤT THUẾ XUẤT KHẨU CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG TẠI PHỤ LỤC I BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2023/NĐ-CP
(Kèm theo Nghị định số 199/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
80	**28.04**	**Hydro, khí hiếm và các phi kim loại khác.**	
	2804.10.00	- Hydro	0
		- Khí hiếm:	
	2804.21.00	- - Argon	0
	2804.29.00	- - Loại khác	0
	2804.30.00	- Nitơ	0
	2804.40.00	- Oxy	0
	2804.50.00	- Bo; telu	0
		- Silic:	
	2804.61.00	- - Có hàm lượng silic không dưới 99,99% tính theo trọng lượng	0
	2804.69.00	- - Loại khác	0
	2804.70.00	- Phospho:	
	2804.70.00.10	- - Phospho vàng	5%. Từ ngày 01/01/2026 áp dụng mức thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2027 áp dụng mức thuế suất 15%.
	2804.70.00.90	- - Loại khác	0
	2804.80.00	- Arsen	0
	2804.90.00	- Selen	0

Phụ lục II

SỬA ĐỔI MỨC THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI CỦA MỘT SỐ MẶT HÀNG TẠI PHỤ LỤC II BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2023/NĐ-CP

(Kèm theo Nghị định số 199/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ)

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
39.01	**Các polyme từ etylen, dạng nguyên sinh.**	
3901.10	- Polyetylen có trọng lượng riêng dưới 0,94:	
	- - Dạng lỏng hoặc dạng nhão:	
3901.10.12	- - - Polyetylen chứa các monomer alpha-olefin từ 5% trở xuống	0
3901.10.19	- - - Loại khác	0
	- - Loại khác:	
3901.10.92	- - - Polyetylen chứa các monomer alpha-olefin từ 5% trở xuống	2
3901.10.99	- - - Loại khác	0
3901.20.00	- Polyetylen có trọng lượng riêng từ 0,94 trở lên	2
3901.30.00	- Các copolyme etylen-vinyl axetat	0
3901.40.00	- Các copolyme etylene-alpha-olefin, có trọng lượng riêng dưới 0,94	2
3901.90	- Loại khác:	
3901.90.40	- - Dạng phân tán	0
3901.90.90	- - Loại khác	0
39.02	**Các polyme từ propylen hoặc từ các olefin khác, dạng nguyên sinh.**	
3902.10	- Polypropylen:	
3902.10.30	- - Dạng phân tán	3
3902.10.40	- - Dạng hạt, viên, hạt cườm, vẩy, mảnh và các dạng tương tự	3
3902.10.90	- - Loại khác	3
3902.20.00	- Polyisobutylen	0

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
3902.30	- Các copolyme propylen:	
3902.30.30	- - Dạng lỏng hoặc dạng nhão	3
3902.30.90	- - Loại khác	3
3902.90	- Loại khác:	
3902.90.10	- - Polypropylen đã clo hóa dùng để sản xuất mực in	0
3902.90.90	- - Loại khác	2
72.09	**Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên, cán nguội (ép nguội), chưa dát phủ (clad), phủ, mạ (coated) hoặc tráng (plated).**	
	- Ở dạng cuộn, chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7209.15.00	- - Có chiều dày từ 3 mm trở lên	7
7209.16	- - Có chiều dày trên 1 mm đến dưới 3 mm:	
7209.16.10	- - - Chiều rộng không quá 1.250 mm	7
7209.16.90	- - - Loại khác	7
7209.17	- - Có chiều dày từ 0,5 mm đến 1 mm:	
7209.17.10	- - - Chiều rộng không quá 1.250 mm	7
7209.17.90	- - - Loại khác	7
7209.18	- - Có chiều dày dưới 0,5 mm:	
7209.18.10	- - - Tấm thép đen (tôn đen) cán để tráng thiếc (Tin - mill blackplate - TMBP)	0%. Từ ngày 01/9/2025 áp dụng mức thuế suất 7%.
	- - - Loại khác:	
7209.18.91	- - - - Có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo khối lượng và chiều dày không quá 0,17 mm	7
7209.18.99	- - - - Loại khác	7
	- Không ở dạng cuộn, chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7209.25.00	- - Có chiều dày từ 3 mm trở lên	7
7209.26	- - Có chiều dày trên 1 mm đến dưới 3 mm:	
7209.26.10	- - - Chiều rộng không quá 1.250 mm	7

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
7209.26.90	- - - Loại khác	7
7209.27	- - Có chiều dày từ 0,5 mm đến 1 mm:	
7209.27.10	- - - Chiều rộng không quá 1.250 mm	7
7209.27.90	- - - Loại khác	7
7209.28	- - Có chiều dày dưới 0,5 mm:	
7209.28.10	- - - Có hàm lượng carbon dưới 0,6% tính theo khối lượng và chiều dày không quá 0,17 mm	7
7209.28.90	- - - Loại khác	7
7209.90	- Loại khác:	
7209.90.10	- - Dạng lượn sóng	7
7209.90.90	- - Loại khác	7